

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 45/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 05/ 4/ 2023  
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải  
2. Ông Vũ Văn Tám
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.
- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2022/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXX-ST ngày 03/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐ ngày 20/03/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Tú U - Sinh năm 1993 (Có mặt).  
Trú tại: Thôn Cao Mỹ Cổ L, xã Mỹ L, huyện T, tỉnh Thái Bình
2. Bị đơn: Anh Dương Văn B - Sinh năm 1990 (Vắng mặt không lý do).  
Trú tại: Đội 01 (Thôn T), xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/12/2022 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Trần Tú U (nguyên đơn) trình bày:*

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Dương Văn B có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ vào ngày 06/02/2017. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống anh B không quan tâm chăm sóc vợ con, không dành thời gian cho gia đình. Hai vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Sau khi tôi sinh cháu Dương Tú L anh B cũng không quan tâm và chu cấp nuôi con. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến nhau, không thăm nom gì nhau.

Một mình tôi phải nuôi con vất vả nhiều năm nay xét tình cảm giữa tôi và chồng không còn, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bắc để tôi sớm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chị U và anh B có 01 con chung là Dương Tú L, sinh ngày 27/10/2018. Quan điểm chị Uyên xin được nuôi và chăm sóc cháu cho đến khi thành niên.

- Về phần cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng của ai người đó sử dụng; Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ phải trả, Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Không có.

Ngày 29/12/2022, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị Uyên cho anh B biết và tiến hành niêm yết tại địa phương để đảm bảo quyền lợi của anh B. Cũng như để giải quyết việc chị U xin ly hôn đối với anh B.

Tòa án tiến hành niêm yết thông báo việc kiểm tra phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ. Ra quyết định xét xử niêm yết các văn bản của Tòa và hoãn phiên Tòa sau đó niêm yết quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Dương Văn B đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay chị U vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

**Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại tòa:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 69, 19, 81, 82 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

- Về con chung giao cháu Dương Tú L cho chị U được quyền nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng của ai người đó sử dụng; Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ phải trả, Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Không có.

- Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại đội 1 (Thôn T) xã Thanh H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Dương Văn B đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Tú U và anh Dương Văn B có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh B không quan tâm đến vợ con, không dành thời gian cho gia đình không chu cấp nuôi con khi chị Uyên sinh con chung. Hai anh chị lại sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay không quay lại thăm nom gì nhau, Chị U cảm thấy cuộc sống của chị U và con không có lối thoát, khủng hoảng trầm trọng. Vì tình cảm không còn cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị U làm đơn xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do anh B và chị U ly thân nhiều năm. Bản thân anh B không có thời gian quan tâm chăm sóc giáo dục con chung và dành thời gian cho gia đình nên mâu thuẫn không thể hòa giải được. Để đảm bảo quyền lợi của chị U và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không có thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do anh B và chị U không quan tâm chăm sóc nhau và đã ly thân nhiều năm.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Đ đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của chị U, anh B tại nơi cư trú. Tại các biên bản xác minh ngày 02/3/2023 tại đội 01, xã T, huyện Đ cho thấy chị U và anh B đều làm cán bộ nên sau khi cưới không sinh sống tại địa phương nhưng chính quyền địa phương được biết anh Bắc có nợ nần nhiều bố mẹ đẻ đã phải bán nhà đất để trả nợ cho anh Bắc nhưng vẫn chưa hết nợ nên anh B có làm đơn xin ra khỏi ngành công an có chuyển sinh hoạt đảng về chi bộ đội 01, xã T sinh hoạt một thời gian sau đó từ năm 2022 anh B đi làm thuê xa nhà đến tết, lễ mới về nhà còn mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm được.

Như vậy HĐXX có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B với chị U đã trầm trọng, anh B, chị U đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm thời gian rất dài, nhiều năm, cả hai không còn yêu thương tôn trọng nhau, vợ chồng không thể chung sống, hàn gắn đoàn tụ với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị Uyên cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị U xử cho ly hôn giữa chị Trần Tú U và anh Dương Văn B.

[3] Về con chung: Chị U và anh B có 01 con chung là Dương Tú L sinh ngày 27/10/2018. Quan điểm chị U xin được nuôi và chăm sóc cháu cho đến khi thành niên. Về phần cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm chị U xin được nuôi và chăm sóc cháu L. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U căn cứ Khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Giao cháu Dương Tú L cho chị U nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị U không yêu cầu Tòa giải quyết.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng của ai người đó sử dụng; tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị U khai không có

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Tú U phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Tú U và anh Dương Văn B
2. Về con chung: Giao cháu Dương Tú L sinh ngày 27/10/2018 cho chị Trần Tú U được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị U không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng của ai người đó sử dụng; Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ phải trả, Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Không có

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Tú U phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị U đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0005116 ngày 29/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (Chị U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bạc Thị Liên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Khải    Vũ Văn Tám**

**Bạc Thị Liên**

**Lò Văn Thương Nguyễn Quang Khải**

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Tố Loan**